

Số: 1905/2022/QĐST-HNGĐ

Biên Hòa, ngày 01 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212, 213, 361, 396, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2597/2022/TLST – VHNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Ông Vũ Ngọc D, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: 254/2, Kp8, phường T, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

+ Bà Trần Thị Thu Th, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: 254/2, Kp8, phường T, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông D và Th chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Biên Hòa (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14/KH ngày 08/12/2006), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không thể giải quyết được. Nay ông D và bà Th xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cả hai cùng yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 04 con chung là Vũ Tuấn K, sinh ngày 18/7/2008; Vũ Tuấn Kh, sinh ngày 07/6/2010; Vũ Gia K1, sinh ngày 12/5/2016 và Vũ Quang Kh1, sinh ngày 14/11/2019. Ly hôn, ông D và bà Th thỏa thuận giao con chung Kh và Kh1 cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Giao con chung K và K1 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông D có nghĩa vụ cấp

đưỡng nuôi con chung cho bà Th để nuôi con chung (cháu K, cháu K1) số tiền là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng)/tháng (mỗi con 3.000.000đ/tháng) kể từ ngày Tòa án ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[3] Về tài sản chung: Ông D và bà Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: ông D và bà Th khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông Vũ Ngọc D và bà Trần thị Thu Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Ngọc D và bà Trần Thị Thu Th thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 04 con chung là Vũ Tuấn K, sinh ngày 18/7/2008; Vũ Tuấn Kh, sinh ngày 07/6/2010; Vũ Gia K1, sinh ngày 12/5/2016 và Vũ Quang Kh1, sinh ngày 14/11/2019. Ly hôn, ông D và bà Th thỏa thuận giao con chung Kh và Kh1 cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Giao con chung K và K1 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Th để nuôi con chung (cháu K, cháu K1) số tiền là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng)/tháng (mỗi con 3.000.000đ/tháng) kể từ ngày Tòa án ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông D và bà Th được quyền đi lại thăm nom con không ai cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Ông D và bà Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Lệ phí Tòa án: Ông Vũ Ngọc D và bà Trần thị Thu Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Chi cục Thi hành

án dân sự TP Biên Hòa, theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0004250 ngày 12/10/2022.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tp. Biên Hoà (1);
- Chi cục THADS tp. Biên Hoà (1);
- Dương sự (2);
- UBND phường T, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (3)

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trần Văn Hùng